

Thời gian làm bài : 30 phút

Kiểm tra kỹ các câu hỏi dưới đây và chọn câu trả lời thích hợp. Mỗi câu hỏi chỉ có một đáp án đúng. Nếu chọn sai có quyền chọn lại. Nếu chọn đúng có quyền chọn lại. Nếu chọn sai có quyền chọn lại.

B	C	D	E
---	---	---	---

Câu ...	A	B	C
---------	---	---	---

Họ tên

Tổ

BẢNG CÂU HỎI:

Nguyên nhân chính gây nên sốc chấn thương là :

- A. Gãy nhiều xương.
- B. Gãy xương lớn.
- C. Do đau quá mức hoặc do mất máu nhiều.
- D. Do vận chuyển bệnh nhân vội vã.
- E. Tất cả đều đúng.

Trong các gãy xương dưới đây loại nào hay gặp biến chứng mạch máu ?

- A. Gãy đầu dưới xương quay.
- B. Gãy thân xương cánh tay.
- C. Gãy xương đòn.
- D. Gãy trên lồi cầu xương đùi.
- E. Gãy cánh chậu

Biến dạng của trật khớp có thể phân biệt được với biến dạng gãy xương ?

- A. Điển hình
- B. Hằng định
- C. Có những biến dạng mà gãy xương không có.
- D. Đơn giản
- E. A và B.

4. Hình bên cạnh minh họa đây là kiểu trật khớp hông
- A. Ra trước
 - B. Lên trên
 - C. Kiểu mo
 - D. Kiểu bẹt
 - E. Kiểu ngồi.

5. Gãy trên hai lồi cầu xương cánh tay trẻ em. Phân loại Gartland nhằm
- A. Chỉ để thống kê
 - B. Không đánh giá được mức độ nặng nhẹ
 - C. Giúp định hướng điều trị đúng
 - D. Đánh giá được biến chứng
 - E. Đánh giá được tiên lượng

6. Di chứng lệch trục chi là do tổn thương:
- A. Một phần sụn tiếp hợp
 - B. Hoàn toàn sụn tiếp hợp
 - C. Gãy thân xương đi lệch gấp góc
 - D. Gãy xương ở trẻ nhỏ
 - E. Do nắn xương không hết các di lệch

7. Khả năng tự chỉnh ở gãy xương trẻ em.
- A. Tốt nhất ở độ tuổi dưới 10
 - B. Có thể chỉnh được hết các di lệch
 - C. Tùy thuộc vào loại gãy, vị trí gãy
 - D. Tốt cho vị trí gần khuỷu, xa gối
 - E. Chính được chống ngăn 1-2 cm cho mọi loại gãy

8. Điều trị gãy xương trẻ em
- A. Điều trị bảo tồn trong hầu hết các trường hợp
 - B. Điều trị tương tự như người lớn
 - C. Mở càng sớm càng tốt
 - D. Thường sử dụng kim hơn nẹp vít
 - E. Không cần thiết phải tập vật lý trị liệu

9. Biến chứng muộn thường gặp trong gãy trên hai lồi cầu cánh tay:
- A. Khớp giả
 - B. Chậm liền xương
 - C. Vẹo trong khuỷu
 - D. Liệt thần kinh quay muộn
 - E. Cứng khuỷu

10. Trong tất cả các nguyên nhân gây vẹo cột sống, nguyên nhân nào gây ra vẹo cột sống trầm trọng nhất
- A. Vẹo cột sống bẩm sinh
 - B. Vẹo cột sống thứ phát
 - C. Vẹo cột sống vô căn
 - D. Vẹo cột sống do bệnh lý thần kinh cơ
 - E. Vẹo cột sống do thoái hóa

11. Bệnh Scheuermann:

- A. Là bệnh lý gây gù vẹo cột sống
- B. Được chẩn đoán khi gù hơn 45°
- C. Do có nhiều đốt sống hình chêm
- D. Phẫu thuật là lựa chọn hàng đầu
- E. là bệnh lý không có tính di truyền

12. Rối loạn phát triển khớp háng bẩm sinh ở trẻ em (DDH)

- A. Thường gặp ở mẹ lớn tuổi
- B. Thường gặp ở phụ nữ bị đái tháo đường
- C. Thường gặp ở ngôi mông
- D. Thường gặp ở ngôi ngang
- E. Thường gặp ở con sơ

13. Điều trị chân khoèo

- A. Càng sớm càng tốt
- B. Cho mang giày chỉnh hình sớm
- C. Phẫu thuật ngay từ nhỏ
- D. Đợi em bé lớn rồi mới phẫu thuật
- E. Có thể phải phẫu thuật nối gân gót

14. hội chứng tủy bên (Brown-Sequard syndrome)

- A. Cùng bên tổn thương: mất cảm giác đau, nhiệt
- B. Đối bên tổn thương: liệt vận động, mất cảm giác sờ nóng, cả
- C. Phục hồi vận động trong hơn 90%
- D. Cùng bên tổn thương: liệt vận động, không mất cảm giác
- E. Do tổn thương một bên tủy

15. Đánh giá mất vững cột sống cổ:

- A. Gãy lún > 25% chiều cao thân đốt
- B. Di lệch gấp góc > 10° giữa hai đốt kề nhau
- C. Di lệch thân đốt > 3 mm
- D. Atlantoaxial offset: $X+Y > 6$ mm là có mất vững C1-C2
- E. Mất đường cong sinh lý cổ

16. Theo Denis, cột sống được chia ra làm:

- A. 2 cột
- B. 3 cột
- C. 4 cột
- D. 5 cột
- E. 6 cột

17. Chương trình PHCN cho bệnh nhân đoạn chi được bắt đầu:

- A. Từ khi có chỉ định phẫu thuật.
- B. Ngay trước phẫu thuật.
- C. Ngay 1 hậu phẫu.
- D. 1 tuần sau mổ.
- E. Ngày xuất viện

18. Giai đoạn nguy sau phẫu thuật đoạn chi
- A. Tránh thao tác, cấp cứu phần chi cụt của bệnh nhân.
 - B. Tránh dùng vật nặng đè lên da đùi từ tư thế đầu của đoạn chi cụt.
 - C. Hạn chế cử động trước, giảm đau.
 - D. Bệnh nhân đoạn chi chi dưới nên được ngồi nhiều. Hạn chế nằm.
 - E. Băng ép để tạo hình mới cụt

19. Gãy Monteggia
- A. phân loại Bado định hướng cho điều trị
 - B. Bado I thường gặp nhất
 - C. ở người lớn thường điều trị bảo tồn
 - D. Bado II thường gặp nhất
 - E. Không cần nắn đúng

20. Gãy Galeazzi các tổn thương:
- A. Gãy 1/3 dưới xương quay
 - B. Trật khớp quay trụ dưới, đứt dây chằng tam giác hoặc gãy mỏm trâm trụ
 - C. Rách màng gian cốt
 - D. A, B đúng
 - E. A, B, C đúng

21. Gãy 2 xương cẳng tay tư thế bất động cẳng tay sau khi nắn, bó bột
- A. Gãy 1/3 trên cẳng tay giữa
 - B. Gãy 1/3 giữa cẳng tay sấp
 - C. Gãy 1/3 trên cẳng tay trung tính
 - D. Gãy 1/3 giữa cẳng tay ngửa
 - E. A, B đúng

22. Gãy đầu dưới xương quay các chỉ số đo trên X quang, chọn câu sai
- A. góc nghiêng trụ
 - B. góc nghiêng quay
 - C. góc nghiêng lỏng
 - D. chỉ số khác biệt xương trụ
 - E. số đo chiều dài đầu dưới xương quay

23. Tuổi hay bị bướu xương nguyên phát nhất là:
- A. Dưới 10 tuổi.
 - B. 11 - 30.
 - C. 21 - 40.
 - D. 41 - 60.
 - E. Trên 60.

4. Biểu hiện lâm sàng của Lao Xương - khớp, chọn câu phù hợp nhất:
- A. Hội chứng nhiễm trùng - nhiễm độc mạn tính.
 - B. Đau tại vị trí tổn thương.
 - C. Liệt 2 chi dưới.
 - D. Dò mủ.
 - E. Tất cả các triệu chứng trên.

5. Hình ảnh nào gọi y Lao xương khớp trên X-quang qui ước?
- Hủy xương.
 - Khớp hẹp, nhám nhỏ.
 - Xương hoại tử, xương chết.
 - Tật khớp, dính khớp.
 - Không câu nào đúng.
26. Chẩn đoán đặc tính lành - ác của một bướu xương và phần mềm cốt lõi dựa vào:
- Tiền sử lâm sàng.
 - Hình ảnh y học.
 - X Sinh thiết - CPBL.
 - Hóa mô miễn dịch.
 - Không yếu tố nào kể trên.
27. Tổn thương nào sau đây không thuộc nhóm tổn thương giá bướu:
- Bọc xương.
 - Bọc hoạt dịch.
 - Loạn sản sụn.
 - Bướu nguyên bào sợi.
 - Chuyển sản sụn màng khớp.
28. Hình ảnh y học nào sau đây quan trọng nhất trong chẩn đoán một bướu xương:
- X-quang qui ước.
 - Siêu âm.
 - X-quang cắt lớp điện toán (CT).
 - Hình ảnh cộng hưởng từ (MRI).
 - Xạ hình xương (Bone scan).
29. Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng:
- Là phương pháp vận lâm từ trước.
 - Cần bộ chuyển môn tính xương địa phương.
 - Chi phí cao, tốn kém.
 - Cho một số bệnh nhân cơ điều kiện.
 - Giải quyết tình trạng thiếu cán bộ tuyến dưới.
30. Vai trò của ban điều hành chương trình PHCN dựa vào cộng đồng trong CSSKBD:
- Chọn tài liệu, dụng cụ.
 - Theo dõi, giám sát tập.
 - Hướng dẫn tập.
 - Lôi kéo cộng đồng tham gia.
 - Lập kế hoạch.
31. Một bệnh nhân bị chèn ép khoang cẳng chân, biến chứng này sẽ nặng hơn nếu:
- Không mổ giải ép sớm.
 - Có kèm thêm sốc chấn thương.
 - Không được bất động tốt xương gãy.
 - Không kê cao chi.
 - Tất cả đều sai.

36. Trong quá trình vận động, khớp gối chịu tải trọng lớn nhất ở vị trí nào?
- Đầu gối khi bước lên cầu.
 - Đầu gối khi bước xuống cầu.
 - Đầu gối khi đứng yên.
 - Đầu gối khi đi bộ.
 - Đầu gối khi chạy bộ.

37. Trong quá trình vận động, khớp gối chịu tải trọng lớn nhất ở vị trí nào?
- Đầu gối khi bước lên cầu.
 - Đầu gối khi bước xuống cầu.
 - Đầu gối khi đứng yên.
 - Đầu gối khi đi bộ.
 - Đầu gối khi chạy bộ.

38. Trong quá trình vận động, khớp gối chịu tải trọng lớn nhất ở vị trí nào?
- Đầu gối khi bước lên cầu.
 - Đầu gối khi bước xuống cầu.
 - Đầu gối khi đứng yên.
 - Đầu gối khi đi bộ.
 - Đầu gối khi chạy bộ.

39. Trong quá trình vận động, khớp gối chịu tải trọng lớn nhất ở vị trí nào?
- Đầu gối khi bước lên cầu.
 - Đầu gối khi bước xuống cầu.
 - Đầu gối khi đứng yên.
 - Đầu gối khi đi bộ.
 - Đầu gối khi chạy bộ.

40. Trong quá trình vận động, khớp gối chịu tải trọng lớn nhất ở vị trí nào?
- Đầu gối khi bước lên cầu.
 - Đầu gối khi bước xuống cầu.
 - Đầu gối khi đứng yên.
 - Đầu gối khi đi bộ.
 - Đầu gối khi chạy bộ.

41. Trong các vùng giải phẫu sau đây, vùng nào cho kết quả khâu nối gân kém nhất?
- Mặt trước gối.
 - Mặt trước 2 gối 1 và 2.
 - Mặt trước gối.
 - Vùng ống cổ tay.
 - Vùng trước trên cổ tay.

38. Ba loại Bướu xương nào hay gặp nhất là:

- A. Sarcoma tạo xương, Sarcoma sụn, Bướu đại bào.
- B. Bướu đại bào, bướu sụn xương, bướu lành sụn.
- C. Bướu lành sụn, sarcoma tạo xương, bướu limpho.
- D. Sarcoma sụn, bướu lành sụn, sarcoma tạo xương.
- E. Sarcoma tạo xương, bướu sụn xương, bướu đại bào xương.

39. Phân loại gãy xương có những điểm chú ý như sau:

- A. Có 4 mức độ giống nhau cho gãy kín và hở.
- B. Có 5 mức độ vì ngoài các gãy xương thông thường còn có đứt lìa chi.
- C. Dựa vào đường gãy của xương chia 4 mức độ gãy kín và 4 mức độ gãy hở.
- D. Dựa vào xương gãy và tổn thương mô mềm để xếp độ gãy xương.
- E. Tất cả đều sai.

40. Các yếu tố cơ bản giúp sự liền xương tốt là:

- A. Lưu thông máu vùng gãy phong phú, không có tổn thương mô mềm nhiều.
- B. Không có rối loạn dinh dưỡng.
- C. Nắn hết di lệch và bất động vững chắc vùng gãy xương.
- D. Chỉ có A và C đúng.
- E. Tất cả đều đúng.

41. Vết thương phần mềm có thể gây ra các nguy cơ:

- A. Chảy máu, tạo ra máu tụ.
- B. Nhiễm trùng nhiễm độc.
- C. Giảm oxy mô tế bào.
- D. Hoại tử mô tạo ra khuyết mất mô.
- E. Tất cả đều đúng.

42. Điều trị cấp cứu vết thương dập nát phần mềm, ta thực hiện những công việc sau:

- A. Rửa mở rộng và cắt lọc các mô dập nát da để hở.
- B. Cắt lọc vừa đủ khâu da kín.
- C. Tiêm kháng sinh theo kháng sinh đồ và bất động chi.
- D. Kê cao chi, tập vận động chi tổn thương sớm.
- E. Tất cả đều đúng.

43. Theo Gustilo, gãy hở độ IIIB là loại gãy xương:

- 1- Gãy xương hở có tổn thương phần mềm rộng, xương gãy chéo ngắn.
 - 2- Phần mềm dập nát, xương gãy ngang đơn giản.
 - 3- Có phần mềm dập nát nhiều, tổn thương mạch máu và thần kinh cần phục hồi.
 - 4- Tổn thương phần mềm rộng gồm da, cơ, mạch máu, thần kinh, đầu xương lộ ra trước màng xương.
- A. Nếu 1,2,3 đúng.
 - B. Nếu 1,3 đúng.
 - C. Nếu 2,4 đúng.
 - D. Nếu 4 đúng.
 - E. Tất cả đều đúng.

44. Xử trí vết thương phần mềm tại nơi xảy ra tai nạn và tại phòng cấp cứu, nên làm:
- 1- Liệt kê đầy đủ các tổn thương, cắt lọc vết thương càng sớm càng tốt.
 - 2- Băng bó tạm thời cột ga rô và chuyển về tuyến sau.
 - 3- Băng vô trùng, băng ép có trọng điểm, nẹp bất động.
 - 4- Chuyển ngay về tuyến sau đủ bệnh nhân có chống.

A. Nếu 1, 2, 3 đúng.
B. Nếu 1 và 3 đúng.
C. Nếu 2 và 4 đúng.
D. Chỉ có 4 đúng.
E. Tất cả đều đúng.

45. Được gọi là vết thương khớp khi:

A. Vết thương ở gần khớp có dịch sánh chảy ra.
B. Vết thương ở gần khớp có máu lẫn mỡ chảy ra.
C. Chọc dò ổ khớp bứt ra máu.
D. Bệnh nhân đau dữ dội khi vận động khớp dù vận động rất nhẹ.
E. Chỉ có A và C đúng.

46. Các triệu chứng nào dưới đây là đặc hiệu giúp chẩn đoán trật khớp:

A. Sưng, đau vùng khớp, mất cơ năng.
B. Sưng, đau, biến dạng vùng khớp.
C. Mất cơ năng không hoàn toàn + biến dạng.
D. Lâm động tác thụ động ngược lại tư thế biến dạng, khi buông tay ra thì chi trở lại tư thế ban đầu.
E. Không sờ thấy hém khớp.

47. Các triệu chứng nào dưới đây là đặc hiệu giúp chẩn đoán trật khớp:

A. Sưng, đau vùng khớp, mất cơ năng.
B. Sưng, đau, biến dạng vùng khớp.
C. Mất cơ năng không hoàn toàn + biến dạng.
D. Lâm động tác thụ động ngược lại tư thế biến dạng, khi buông tay ra thì chi trở lại tư thế ban đầu.
E. Không sờ thấy hém khớp.

48. Giai đoạn phục hồi của một tổn thương dây chằng:

A. Bắt đầu từ ngày thứ 3 đến tuần thứ 6.
B. Các sợi collagen hình thành và phát triển theo sự định hướng.
C. Có thể kéo dài đến tháng thứ 3-6 vì vậy không nên tập vận động quá mức trong giai đoạn này.
D. Dây chằng đã chịu được sức kéo căng mạnh và bệnh nhân hết đau.
E. Chỉ có B và D đúng.

49. Điều trị bong gân mức độ 1 hiện pháp nào nên làm:

A. Chườm nước đá vào vùng bong gân ngay sau khi bị tổn thương.
B. Tiêm thuốc tê vào vùng bong gân sau đó bó bột.
C. Nên cho bệnh nhân tập vận động sớm.
D. Massage lại dây chằng nếu bệnh nhân là một vận động viên.
E. Tất cả các biện pháp trên đều đúng.

Đến đâu chỗ chịu một vết thương khớp dựa vào:

- A. Vết thương ở ngay khớp.
- B. Chọc dò ở khớp rút ra máu không đông.
- C. Nhìn thấy máu chảy từ vết thương gần khớp có chất giống như nước.
- D. Chọc x-quang thấy gãy xương thần khớp.
- E. Tất cả đều đúng.

51. Tổn thương thần kinh đi kèm trong nứt khớp vai thường gặp là:

- A. Thần kinh giữa.
- B. Thần kinh quay.
- C. Thần kinh trụ.
- D. Thần kinh cơ bì.
- E. Thần kinh nách.

52. Gãy 1/3 trên thân xương đùi thường có các di lệch điển hình sau đây:

- A. Chống ngán, xoay trong, gấp góc mở vào trong.
- B. Chống ngán, xoay ngoài, gấp góc mở vào trong.
- C. Sang bên, xoay ngoài, gấp góc mở ra ngoài.
- D. Xu > 1 thân xương, xoay ngoài, gấp góc mở ra trước.
- E. Đoạn gãy xa di lệch ra sau do cơ sinh đôi kéo.

53. Viêm xương tủy cấp đường máu thường xảy ra ở tuổi:

- A. Dưới 6.
- B. 7-16.
- C. 17-30.
- D. 31-60.
- E. Trên 60.

54. Ngay sau khi bị gãy một xương lớn, bệnh nhân có thể có các biến chứng sau:

- A. Sốc, Tắc mạch máu do mỡ, Chèn ép khoang (CEK), Viêm xương.
- B. Sốc, CEK, Chèn ép thần kinh, Rối loạn dinh dưỡng.
- C. CEK, liệt thần kinh ngoại biên, Đứt mạch máu chính, Gãy hở.
- D. Tắc mạch máu do mỡ, Đứt mạch máu, Đứt thần kinh, cal lệch, khớp giả.
- E. Tất cả đều đúng.

55. Theo Gustilo gãy xương hở độ II là một gãy xương:

- A. Vết rách da chỉ bằng 1 cm.
- B. Tổn thương phần mềm rộng, có tróc da, đường gãy xương ngang hoặc chéo ngắn.
- C. Tổn thương phần mềm vừa phải có lộ đầu xương và tróc màng xương.
- D. Tổn thương phần mềm và tổn thương cấu trúc thần kinh, mạch máu.
- E. Tất cả đều đúng.

56. Sau khi nắn trật khớp vai, cho bệnh nhân chụp X-quang kiểm tra bình diện mặt ở tư thế căng tay để sau lưng, nhằm mục đích gì?

- A. Xem khớp có bị trật lại không.
 B. Xem cung bả vai cánh tay có bị gãy không.
 C. Xem có dấu hiệu tổn thương khớp.
 D. Xem tổn thương có bị gãy, nứt không.
 E. Xem dấu hiệu tổn thương của cơ trên gai có tổn thương không.
57. Theo chứng nào dưới đây không thuộc trật khớp khuỷu :
 A. Khuỷu gấp nhẹ 30-40°
 B. Sở thấy khối u tẹn nhàn phía trước khuỷu.
 C. Đường kẻ trục dọc xương cánh tay nhìn nghiêng qua mỏm trên lồi cầu đi qua mỏm khuỷu.
 D. 3 mức xương: mỏm trên lồi cầu, mỏm trên ròng rọc, mỏm khuỷu tạo thành tam giác bất kỳ với đỉnh là mỏm khuỷu nằm bên trên.
 E. Sở thấy chòm xương quay ở vị trí bất thường.
58. Sơ tiến triển của nhiễm trùng bàn tay luôn luôn :
 A. Tự khỏi bệnh.
 B. Chỉ cần kháng sinh liều cao.
 C. Cần phẫu thuật dẫn lưu.
 D. Chấm chập thành kinh niên.
 E. Họa tử nhiễm trùng nếu không can thiệp nội ngoại khoa kịp thời.
59. Sơ tiến triển của nhiễm trùng bàn tay luôn luôn :
 A. Tự khỏi bệnh.
 B. Chỉ cần kháng sinh liều cao.
 C. Cần phẫu thuật dẫn lưu.
 D. Chấm chập thành kinh niên.
 E. Họa tử nhiễm trùng nếu không can thiệp nội ngoại khoa kịp thời.
60. Phương pháp vô cảm trong nắn trật khớp gối thuộc vào
 A. Loại trật khớp.
 B. Thời gian tính từ lúc trật khớp.
 C. Tổng trạng bệnh nhân.
 D. Các chứng chỉ định của phương pháp vô cảm.
 E. Tất cả đều đúng.

Đề thi gồm 10 trang, có 60 câu hỏi

- HẾT -

1 C		21 A		41 E	
2 D		22 B		42 A	
3 E		23 B		43 D	
4 D		24 E		44 B	
5 C		25 B		45 A	
6 A		26 C		46 D	
7 C		27 A		47 D	
8 A		28 A		48 A	
9 C		29 E		49 A	
10 D		30 D		50 C	
11 B		31 B		51 E	
12 C		32 C		52 A/B	
13 A		33 D		53 B	
14 C		34 C		54 C	
15 A		35 D		55 B	
16 B		36 C		56 C	
17 A		37 B		57 C	
18 B		38 E		58 E	
19 B		39 D		59 E	
20 E		40 D		60 E	